

ĐIỂM MỚI NỔI BẬT CỦA LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG 2024

Luật Thuế Giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 (“**Luật Thuế GTGT 2024**”) và các hướng dẫn tại Nghị định số 181/2025/NĐ-CP (“**Nghị Định 181**”) có hiệu lực từ 01/07/2025, đem đến những điểm mới nổi bật so với Luật Thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008, đã hết hiệu lực từ 01/07/2025 (“**Luật Thuế GTGT 2008**”). Do đó, bài viết chỉ trích dẫn các quy định được thay đổi trọng yếu và các quy định hướng dẫn liên quan (nếu có).

Bài viết chỉ nhằm mục đích tham khảo và không nhằm chia sẻ quan điểm hoặc đánh giá khác về các quy định pháp luật được đề cập hoặc tình huống pháp lý cụ thể. Ngoài ra, để thuận tiện cho việc liệt kê và đảm bảo tính ngắn gọn nhưng đầy đủ của bài viết, một số các đối tượng/quy định trong bài sẽ được gọi tên/tóm tắt ngắn gọn hơn tương ứng, trong trường hợp Quý độc giả cần thông tin chi tiết, vui lòng xem lại quy định tại các văn bản được đề cập.

I. NGƯỜI NỘP THUẾ (Điều 4 Luật Thuế GTGT 2024)

Bổ sung đối tượng người nộp thuế gồm (tương ứng Khoản 3, 4, 5 Điều 4 Luật Thuế GTGT 2024):

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam mua dịch vụ (kể cả trường hợp mua dịch vụ gắn với hàng hóa) của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam.
- Nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử; kinh doanh dựa trên nền tảng số với tổ chức, cá nhân tại Việt Nam.
- Tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử.

Người nộp thuế trường hợp (b) và (c) nêu trên (tương ứng quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 4 Luật Thuế giá trị gia tăng 2024), gồm¹ “*Nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử; kinh doanh dựa trên nền tảng số với tổ chức, cá nhân tại Việt Nam (sau đây gọi là nhà cung cấp nước ngoài); tổ chức là nhà quản lý nền tảng số nước ngoài thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp của nhà cung cấp nước ngoài; tổ chức kinh doanh tại Việt Nam áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng là phương pháp khấu trừ thuế mua dịch vụ của nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam thông qua kênh thương mại điện tử hoặc các nền tảng số thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp của nhà cung cấp nước ngoài*”. Việc thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp của nhà cung cấp nước ngoài của người nộp thuế quy định tại điểm này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

¹ Điều 3.2(a) Nghị Định 181.

Ngoài ra, về quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ, cá nhân, Điều 5 Nghị định 117/2025/NĐ-CP ngày 09/06/2025 (có hiệu lực từ ngày 01/07/2025) quy định:

- a. Thời điểm thực hiện khấu trừ: khi xác nhận giao dịch thành công và chấp nhận thanh toán đối với giao dịch bán hàng hóa, dịch vụ trên nền tảng thương mại điện tử cho hộ, cá nhân.
- b. Số thuế giá trị gia tăng được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu của mỗi giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ: (i) Hàng hóa: 1%; (ii) Dịch vụ: 5%; (iii) Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa: 3%.
- c. Doanh thu của mỗi giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ là số tiền bán hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân được hưởng mà tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thu hộ.
- d. Trường hợp không xác định được giao dịch phát sinh doanh thu từ nền tảng thương mại điện tử là hàng hóa hay dịch vụ hoặc loại dịch vụ thì việc xác định số thuế phải khấu trừ thực hiện theo mức tỷ lệ % cao nhất.

II. ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ (Điều 5 Luật Thuế GTGT 2024)

Thay đổi và bổ sung một số trường hợp mới như sau:

- a. Hàng hóa, dịch vụ của hộ kinh doanh và cá nhân sản xuất kinh doanh có doanh thu hàng năm từ 200 triệu đồng trở xuống.
- b. Hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp đặt biệt theo Quy định Chính phủ và pháp luật:
 - i. Hàng hóa nhập khẩu ủng hộ, tài trợ cho phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh (là hàng hóa ủng hộ, tài trợ được các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tỉnh, thành phố tiếp nhận²).
 - ii. Hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới để phục vụ cho sản xuất, tiêu dùng của cư dân biên giới (thuộc Danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới theo quy định của pháp luật và trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu³).

² Điều 4.15(d) của Nghị Định 181.

³ Điều 4.15(đ) của Nghị Định 181.

- ⇒ Cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT quy định tại Điều này không được khấu trừ, không được hoàn thuế GTGT đầu vào trừ trường hợp được áp dụng mức thuế suất 0% (theo Điều 5.27 Luật Thuế GTGT 2024).

III. THUẾ SUẤT THUẾ GTGT PHỔ THÔNG (Điều 9.3 Luật Thuế GTGT 2024)

Mức thuế suất 10% áp dụng cho các đối tượng chịu thuế GTGT nhưng không được hưởng mức thuế suất 0% hoặc 5% (bao gồm cả dịch vụ được các nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam cung cấp cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam qua kênh thương mại điện tử và các nền tảng số).

Mức thuế GTGT Phổ thông hiện nay là 8% áp dụng đến 31/12/2026 (giảm 2%) được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2025, trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, sản phẩm kim loại, sản phẩm khai khoáng (trừ than), sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ xăng).

IV. GIÁ TÍNH THUẾ (Điều 7 Luật Thuế GTGT 2024)

Bổ sung quy định mới về giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho là giá tính thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh. Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, giá tính thuế được xác định bằng không (0).

- ⇒ Quy định này được bổ sung mới so với Luật Thuế GTGT 2008 và được hướng dẫn tại Điều 6.2 Nghị Định 181, cụ thể:

Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, giá tính thuế được xác định bằng không (0), trừ trường hợp bán hàng, cung cấp dịch vụ với giá thấp hơn giá bán hàng, cung cấp dịch vụ trước đó, được áp dụng trong thời gian khuyến mại (khuyến mại bằng hình thức giảm giá) thì giá tính thuế là giá bán đã giảm áp dụng trong thời gian khuyến mại đã đăng ký hoặc thông báo theo quy định của pháp luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại. Các hình thức khuyến mại của hàng hóa, dịch vụ khuyến mại có giá tính thuế bằng không (0) hoặc giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ bán ra không bao gồm giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, cụ thể như sau:

- a. Đưa hàng mẫu, cung cấp dịch vụ mẫu để khách hàng dùng thử không phải trả tiền thì hàng mẫu, dịch vụ mẫu có giá tính thuế bằng không (0).
- b. Tặng hàng hóa, cung cấp dịch vụ không thu tiền thì hàng hóa, dịch vụ tặng có giá tính thuế bằng không (0).
- c. Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ có kèm theo phiếu mua hàng hóa, phiếu sử dụng dịch vụ thì giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ không bao gồm giá trị phiếu mua hàng hóa, phiếu sử dụng dịch vụ.

- d. Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ có kèm theo phiếu dự thi cho khách hàng để chọn người trao thưởng theo thể lệ và giải thưởng đã công bố (hoặc các hình thức tổ chức thi và trao thưởng khác tương đương) thì giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ không bao gồm giá trị của hàng hóa, dịch vụ trúng thưởng theo phiếu dự thi (nếu có).
- e. Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ kèm theo việc tham dự các chương trình mang tính may rủi mà việc tham gia chương trình gắn liền với việc mua hàng hóa, dịch vụ và việc trúng thưởng dựa trên sự may mắn của người tham gia theo thể lệ và giải thưởng đã công bố thì giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ không bao gồm giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để trao thưởng.
- f. Tổ chức chương trình khách hàng thường xuyên, theo đó việc tặng thưởng cho khách hàng căn cứ trên số lượng hoặc trị giá mua hàng hóa, dịch vụ mà khách hàng thực hiện được thể hiện dưới hình thức thẻ khách hàng, phiếu ghi nhận sự mua hàng hóa, dịch vụ hoặc các hình thức khác thì giá tính thuế không bao gồm giá trị của thẻ khách hàng, phiếu ghi nhận sự mua hàng hóa, dịch vụ hoặc các hình thức khác.
- g. Trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ quy định tại khoản này nhưng không thực hiện theo quy định về khuyến mại của pháp luật về thương mại thì giá tính thuế thực hiện như hàng hóa biểu, tặng, cho quy định tại khoản 1 Điều này.

V. THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH THUẾ GTGT (Điều 8 Luật Thuế GTGT 2024)

Thời điểm xác định thuế của một số đối tượng được bổ sung như sau:

- a. Đối với bán hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hoá cho người mua **hoặc thời điểm lập Hóa đơn**, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
 - ⇒ Bổ sung thêm mốc xác định thời điểm tính thuế là từ “thời điểm lập hóa đơn”.
- b. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê:
 - i. Trường hợp ĐÃ chuyển giao QSH, QSD, thời điểm xác định thuế GTGT là thời điểm chuyển giao QSH hoặc QSD hàng hóa cho người mua không phân biệt đã thu tiền hay chưa.
 - ii. Trường hợp CHƯA chuyển giao QSH, QSD mà có thực hiện thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng, thời điểm xác định thuế GTGT là ngày thu tiền hoặc theo thỏa thuận thanh toán trong Hợp đồng.

- ⇒ Quy định mới so với Luật Thuế GTGT 2008 và được hướng dẫn tại Điều 16.5 Nghị Định 181.

VI. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ (Điều 10 đến Điều 12 Luật Thuế GTGT 2024)

Quy định mới về trường hợp áp dụng **phương pháp thuế khoán** gồm “*Hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ*”.

- ⇒ Bỏ thuế khoán đối với hộ kinh doanh từ 01/01/2026 (Điều 10.6 Nghị quyết 198/2025/QH15 ngày 17/05/2025 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân).
- ⇒ Khi bãi bỏ phương pháp khoán thuế, hộ kinh doanh thực hiện nộp thuế theo phương pháp kê khai (hướng dẫn chi tiết tại Điều 5 Thông tư 40/2021/TT-BTC).

VII. ĐIỀU KIỆN KHẤU TRỪ THUẾ GTGT (Điều 14 Luật Thuế GTGT 2024)

Quy định mới về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, cụ thể: phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) **từ 05 triệu đồng trở lên** đã bao gồm thuế GTGT.

- ⇒ Xem thêm một số trường hợp đặc thù được hướng dẫn tại Điều 26.2 Nghị Định 181.
- ⇒ Trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ của một người nộp thuế có giá trị dưới 05 triệu đồng nhưng mua nhiều lần trong cùng một ngày có tổng giá trị từ 05 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt (được hướng dẫn tại Điều 26.3 Nghị Định 181).

VIII. ĐIỀU KIỆN HOÀN THUẾ GTGT (Điều 15 Luật Thuế GTGT 2024)

Bãi bỏ và bổ sung một số quy định như sau:

- a. **Hoàn Thuế khi giải thể, phá sản:** Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT khi giải thể, phá sản có số thuế GTGT nộp thừa hoặc số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết.
- ⇒ Đối với cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế GTGT nộp thừa hoặc số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết, quy định này đã được bãi bỏ.

- b. **Hoàn thuế đối với Cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:** Nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên sau 12 tháng liên tục hoặc 04 quý liên tục thì được hoàn thuế giá trị gia tăng. Nếu cơ sở kinh doanh chịu nhiều mức thuế suất thì phải hạch toán riêng số thuế GTGT đầu vào sử dụng cho hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT 5% nếu không hạch toán riêng thì sẽ được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu

⇒ Theo Khoản 3.1, Điều 3 Thông tư 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 hướng dẫn nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các thông tư về thuế: Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng) hoặc trong quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.

IX. HIỆU LỰC THI HÀNH (Điều 18 Luật Thuế GTGT 2024)

Quy định về mức doanh thu của hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế tại Luật Thuế GTGT 2024 (khoản 25 Điều 5 và Điều 17) có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

___ KẾT THÚC ___